

Số: 144/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 5, 212, 213, 149 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 55, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 17 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 109/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Thế A**, sinh năm 1983; địa chỉ: **tổ B, khu Đ, phường T, tỉnh Quảng Ninh**; Căn cước công dân số: 022083006310, cấp ngày: 06/10/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**;

2. Chị **Tô Thị T**, sinh năm 1994; địa chỉ: **tổ B, khu Đ, phường T, tỉnh Quảng Ninh**; Căn cước số: 031194007565, cấp ngày: 29/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 4 năm 2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh **Nguyễn Thế A** và chị **Tô Thị T** có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2012 tại **Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường T, tỉnh Quảng Ninh)** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cùng thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: anh **Nguyễn Thế A** và chị **Tô Thị T** có 03 (ba) con chung là **Nguyễn Nhật M**, sinh ngày 26/11/2012; **Nguyễn Thanh P**, sinh ngày 22/6/2014 và **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 06/01/2022. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất:

anh **Thế A** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 (ba) con chung đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Chị **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: anh **Nguyễn Thế A** và chị **Tô Thị T** tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh **Nguyễn Thế A** và chị **Tô Thị T** thỏa thuận: Chị **T** tự nguyện chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Thế A** và chị **Tô Thị T**.

- Về con chung: anh **Nguyễn Thế A** có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 (ba) con chung là **Nguyễn Nhật M**, sinh ngày 26/11/2012; **Nguyễn Thanh P**, sinh ngày 22/6/2014 và **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 06/01/2022 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **Tô Thị T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **Tô Thị T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Anh **Nguyễn Thế A** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị **Tô Thị T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về lệ phí Tòa án: chị **Tô Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 33 ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Quảng Ninh; chị **Tô Thị T** đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Tuần Châu;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm